

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/3/2023
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Võ Văn Tường

2. ông Nguyễn Hùng Phước

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thanh Thảo, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2022/ TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị T**, sinh năm 1993

Nơi cư trú: ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: Khu vực H, phường Đ, quận B, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Quốc Đ**, sinh năm 1990

Nơi cư trú: ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Trương Thị T trình bày: bà và ông Đ tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Sau đó thì ông bà phát sinh mâu thuẫn, do ông Đ không lo làm ăn, thường uống rượu, cờ bạc gây nợ nần, không quan tâm gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên can và cho ông Đ cơ hội sửa đổi nhưng không có kết quả. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Ông bà có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Y (nữ) sinh ngày 29/11/2015, Nguyễn Ngọc T2 (nữ) sinh ngày 05/02/2017, Nguyễn Quốc T3 (nam) sinh ngày

15/12/2021. Bà yêu cầu nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng. Về tài sản chung, bà không yêu cầu giải quyết, về nợ chung là không có.

Bị đơn – ông Nguyễn Quốc Đ trình bày tại bản tự khai ngày 01/3/2023: ông xác định vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Y (nữ) sinh ngày 29/11/2015, Nguyễn Ngọc T2 (nữ) sinh ngày 05/02/2017, Nguyễn Quốc T3 (nam) sinh ngày 15/12/2021, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông không có yêu cầu giải quyết tài sản chung, còn nợ chung thì không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trương Thị T và ông Nguyễn Quốc Đ xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81, ngày 30/6/2015 là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà T xác định giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự tôn trọng lẫn nhau, ông Đ không lo làm ăn chăm sóc cho gia đình, vợ con mà thường xuyên uống rượu bia say xỉn về quấy phá vợ con. Hai vợ chồng đã không còn chung sống, không còn tình cảm, không thể hàn gắn. Ông Nguyễn Quốc Đ cũng thừa nhận giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện nay ông bà đang sống ly thân. Bà T cũng như ông Đ đều không có biện pháp hay hành động nào nhằm hàn gắn quan hệ vợ chồng, hiện nay, ông bà cũng không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: bà T và ông Đ thống nhất ông bà có 03 người con chung là Nguyễn Thị Ngọc Y (nữ) sinh ngày 29/11/2015, Nguyễn Ngọc T2 (nữ) sinh ngày 05/02/2017, Nguyễn Quốc T3 (nam) sinh ngày 15/12/2021. Bà T và ông Đ đều có yêu cầu nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay các con

chung đang sống chung với bà T và ông Đ cũng không cung cấp được chứng cứ các cháu không được bà T chăm sóc chu đáo. Trong quá trình ông Đ và bà T sống ly thân mặc dù ông Đ không cung cấp tiền nuôi các cháu nhưng bà T vẫn chăm sóc nuôi dưỡng tốt các con chung. Do đó, Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho bà T nuôi dưỡng để tránh sự xáo trộn đời sống của các cháu. Về cấp dưỡng, do bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, ông Đ và bà T không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; cả hai thống nhất không có nợ chung.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, điểm 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị T với ông Nguyễn Quốc Đ.

- *Về con chung*: Giao Nguyễn Thị Ngọc Y (nữ) sinh ngày 29/11/2015, Nguyễn Ngọc T2 (nữ) sinh ngày 05/02/2017, Nguyễn Quốc T3 (nam) sinh ngày 15/12/2021 cho bà T nuôi dưỡng. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đ, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung*: chưa xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: không có.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà T nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu 0007581 ngày 25/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã G;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa